

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/01/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC1+PVD8	7:25	4+17	0+0		2+20	0+0	
2		TTC2+P8	7:25	7+15	0+0		4+16	0+0	
3		RP1+BK16+CLO	7:25	3+2+17	0+0+0		1+0+18	0+0+0	
4		TD1+P9+BK3	9:25	22+0+0	0+0+0		16+2+1	0+0+0	
5		TD2+TD3+P11	9:25	21+0+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	chuyen 5 TD3-P11
6		CLO+BK21+TD5	9:25	6+8+7	0+0+0		2+6+11	0+0+0	
7		SAVR+PVD8	12:00	6+15	0+0		6+16	0+0	
8		BK15+P8	12:00	11+11	0+0		5+9	0+0	
9		TTC2+TTC1+TD2	14:00	8+5+8	0+0+0		5+5+12	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/ Đi về trong ngày PVD8(KNT) -4ng, TTC1-1ng, TTC2-4ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:TTC1 - PVD8	CREW: VTHANG - XTRUONG - TU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0132	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG QUOC VAN	TTC1	22	1	5			58	SGC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CUONG	TTC1	24	1	5	1	7	51	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THE UU	TTC1	23	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN HUY	TTC1	25-27	3	20			63	KH-THAC	Vietnamese
5	BOVT A.B	PVD8	45	1	2			93	D-HANH	Russian
6	SIAOROV I.N	PVD8						90	D-HANH	Russian
7	KRAMAREVIKO V.V	PVD8						68	KH-THAC	Russian
8	POPOV A.A	PVD8	46	1	4			76	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN MANH CUONG	PVD8	31	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG QUOC BAO	PVD8	30	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN ANH DONG	PVD8	37	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM DUC BINH	PVD8	44	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG HIEU	PVD8	28-29	2	13			73	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG MANH HUNG	PVD8	33	1	5			86	GETRACO	Vietnamese
15	ĐINH ANH DUNG	PVD8	34	1	4			74	GETRACO	Vietnamese
16	VUONG VAN THONG*	PVD8	40-41	2	18	2	10	66	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THAO*	PVD8	39	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN PHUONG	PVD8	35	1	3	3	50	74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN CAO MANH*	PVD8	36	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG TUNG	PVD8	32	1	13			84	KH-THAC	Vietnamese
21	LAM TRONG DAI	PVD8	38	1	9			58	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	4	245	6	34	1	7	2		
2	PVD8	17	1.289	17	100	5	60	20		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.534</b>	<b>23</b>	<b>134</b>	<b>6</b>	<b>67</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.534</b>		<b>134</b>		<b>67</b>			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
HÀ XUÂN TRƯỜNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: cam-1	TO: TTC2 - P8	CREW: HUNG - N.ANH - DTUNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0136	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE VAN ĐỨC	TTC2	80	1	4			62	SGC	Vietnamese
2	PHUNG MINH HIEU	TTC2	96	1	9			76	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU MINH HUNG	TTC2	97	1	2	1	12	87	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN DAI THIEU	TTC2	99	1	2			93	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN THI HANG	TTC2	98	1	2			58	NIPI	Vietnamese
6	HO TRUONG KIEN*	TTC2	100	1	10			100	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VAN TUAN*	TTC2						56	KH-THAC	Vietnamese
8	LAZAREV ALEX.	P8	95	1	5			86	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN XUAN HOANG	P8	89-90	2	9			78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM KHAC DOAN	P8						66	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO TIEN DAT	P8	100	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUC THANG	P8	01	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VAN BAC	P8	94	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI TRONG BINH	P8	02	1	12	1	12	85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NAM HAI	P8	97	1	5			74	T-TIN	Vietnamese
16	VU ANH MINH	P8	98-99	2	20	2	16	78	T-TIN	Vietnamese
17	VU DUC TUNG	P8	91-92	2	7			78	YTE	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG HOA	P8	93	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC CHUNG	P8	96	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN CONG CONG	P8	03	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG PHUC HUNG*	P8	87	1	8			93	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM TU ANH	P8	88	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO	
				PCS	WT			
1	TTC2	7	532	6	29	4		
2	P8	15	1.135	17	115	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.667</b>	<b>23</b>	<b>144</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.667</b>		<b>144</b>	<b>40</b>		

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG - 1	TO:RP1 - BK16 - CLO	CREW: ĐỨC - KHANH - ĐANG - THỤ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0140	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN ANH VIỆT	RP1	98-99	2	14	1	19	64	DUY LINH	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN HÙNG	RP1	900	1	9			72	DUY LINH	Vietnamese
3	NGUYỄN TẤN VƯƠNG	RP1	01	1	9			75	DUY LINH	Vietnamese
4	LUƠNG ANH VŨ	BK16	93	1	9	1	10	71	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TIẾN *	BK16	94-96	3	20			73	CODIEN	Vietnamese
6	HOANG VAN HUNG	CLO	19	1	11			67	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN QUANG HIEN	CLO	11	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
8	SHEVCHENKO DMITRII	CLO	18	1	5			78	KHOAN	Russian
9	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	20	1	4			83	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ THẾ NĂNG	CLO	22	1	8			60	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ VĂN BẠC	CLO	24	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN LONG	CLO	27	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG NHẬT	CLO	23	1	2			57	KHOAN	Vietnamese
14	BUI QUỐC GIA	CLO	17	1	3	1	15	75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC HẢI	CLO	16	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG MINH SƠN *	CLO	09	1	12			73	ANTOAN	Vietnamese
17	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	21	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN NHƯ DỪNG	CLO	15	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	12-13	2	8			60	KHOAN	Vietnamese
20	TÔ TUẤN DUY	CLO	10	1	17			111	KHOAN	Vietnamese
21	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	CLO	25-26	2	14			80	KHOAN	Vietnamese
22	ĐINH CHÍ CÔNG	CLO	14	1	14			66	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	3	211	4	32	1	19	1		
2	BK16	2	144	4	29	1	10	0		
3	CLO	17	1.239	19	126	1	15	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.594</b>	<b>27</b>	<b>187</b>	<b>3</b>	<b>44</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.594</b>		<b>187</b>		<b>44</b>			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

TRẦN ĐỨC KHANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:TD1 - P9	CREW: HUNG - N.ANH - DTUNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0137	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1				2	29	105	KHOAN	Russian
2	NGUYEN NHU BANG	TD1	76	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN MINH SON*	TD1	83	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH XUÂN HOA	TD1	82	1	5	1	19	64	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VĂN DUY	TD1	74	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ VĂN HOÀN	TD1	75	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1						78	KHOAN	Vietnamese
8	HOA XUÂN LUẬN	TD1	84	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH BÌNH	TD1	79	1	8			83	ANTOAN	Vietnamese
10	LEEJU RADEN	TD1	60-61	2	20			76	EXPRO	Thailand
11	PARUEHAT MUSIKA	TD1	77	1	8	1	14	69	EXPRO	Thailand
12	VŨ TẠ HOANG ANH	TD1	71	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	86	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ BA CHIẾN	TD1	85	1	10			76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH PHÚC	TD1	72-73	2	18			64	KHOAN	Vietnamese
16	AZROY BIN MOHD SAAD	TD1	69-70	2	18			90	SCHLUMBE	Malaysian
17	NGUYỄN VŨ ĐÌNH DUY	TD1	62	1	17	1	5	73	DVL	Vietnamese
18	PHAN VINH TRUONG	TD1	63-64	2	19			71	DVL	Vietnamese
19	NGO THANH SON*	TD1	81	1	13			79	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HOI	TD1	65	1	15	1	8	66	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH BẢNG	TD1	80	1	5			85	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1						72	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	22	1.652	23	198	6	75	16		
2	P9	0	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.652</b>	<b>23</b>	<b>198</b>	<b>6</b>	<b>75</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.652</b>		<b>198</b>		<b>75</b>			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: Xanh - 2	TO: TD2 - TD3 - P11	CREW: VTHẮNG - XTRƯỜNG - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0133	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CHERNHIAVSKY D. S.	TD2	81	1	8			116	KH-THAC	Russian
2	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	TD2	100	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
3	KISELEV I.IU.	TD2	87-88	2	16			100	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN VĂN SAU	TD2	91	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN DUY ANH	TD2	01-02	2	6			71	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VĂN HOÀN	TD2	95-96	2	19			74	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH HOÀN	TD2	99	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD2	98	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÌNH HOÀI NAM*	TD2	06	1	12	1	13	77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	TD2	90	1	8			64	YTE	Vietnamese
11	HÀ DUY ĐÔNG	TD2						92	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ MINH TOÀN	TD2	03-04	2	14			115	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TIẾN DŨNG	TD2	86	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG THỌ TÂM	TD2	97	1	7	1	14	69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỒNG GIANG	TD2	82	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN HUY THAI*	TD2	84	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH THẮNG	TD2	89	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ HỮU CHÍNH	TD2	93-94	2	8			63	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO KIM SÂM	TD2	85	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	TD2	92	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ QUANG HUY	TD2	83	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	21	1.631	25	164	2	27	16		
2	TD3	0	0	0	0	0	0	2 + 5		CHUYEN 5 PAX TD3-P11
3	P11	0	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.631</b>	<b>25</b>	<b>164</b>	<b>2</b>	<b>27</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.631</b>		<b>164</b>		<b>27</b>			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
HÀ XUÂN TRƯỜNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-1	TO: CLO - BK21 - TD5	CREW: ĐỨC - KHANH - ĐANG - THỤ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06	VNHS FLIGHT: TM26/0141		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN DINH PHUONG	CLO	91	1	6			86	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN THUAN	CLO	28,89	2	16	2	35	76	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC THANG	CLO	93	1	7			102	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUAN	CLO	92	1	4			76	PSV	Vietnamese
5	ĐOAN PHUC HOANG	CLO	94-95	2	22			78	DVL	Vietnamese
6	PHAM HONG QUY	CLO	90	1	10	2	18	72	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN MANH TRUONG *	BK21	58	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ĐỨC BINH	BK21	59-61	3	18	1	10	71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH CHUNG	BK21	62-63	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ ĐỨC ANH	BK21	64	1	15			77	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TUNG	BK21	65	1	13	6	65	78	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN QUỐC BIEU	BK21	99	1	11			64	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG PHONG	BK21	66	1	9			68	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG NGOC HOA	BK21	57	1	7			63	PSV	Vietnamese
15	CHU ĐỨC HUNG	TD5	39	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC HUY	TD5	42-43	2	22	3	22	64	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN ANH	TD5	34-35	2	19			64	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ TUAN MẠNH	TD5	37	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DINH LỘC	TD5	38	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HUYNH	TD5	36	1	5			76	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	6	490	8	65	4	53	2		
2	BK21	8	570	11	94	7	75	6		
3	TD5	6	412	8	68	3	22	11		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.472</b>	<b>27</b>	<b>227</b>	<b>14</b>	<b>150</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.472</b>		<b>227</b>		<b>150</b>			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI NGOC HA

CREW

TRUONG CONG DUC

TRAN DUC KHANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO:SAVR- PVD8	CREW: XHOÀN - TTRUNG - THÀNH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07	VNHS FLIGHT: TM26/0134		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ*	SAVR	01	1	7	2	22	64	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG QUANG BÌNH	SAVR	03	1	3			55	GETRACO	Vietnamese
3	TRẦN MINH HIỆU	SAVR	02	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ANH ĐỨC	SAVR	07	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CHÍ CUÔNG	SAVR	04	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN CUÔNG	SAVR	05-06	2	18			76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC DU	PVD8	58	1	5	2	35	69	KH-THAC	Vietnamese
8	DOÀN ĐÌNH PHẠC	PVD8						74	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TUẤN ANH*	PVD8	64-65	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI THỌ DŨNG	PVD8	66	1	13			61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU LONG	PVD8	56-57	2	20			69	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	PVD8	54	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH DUY	PVD8	68-69	2	12			85	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC ANH CHIÊN*	PVD8	63	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD8	62	1	13			76	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ANH	PVD8	51	1	13	1	15	67	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN DANH PHONG	PVD8	50	1	5			79	PVD DD	Vietnamese
18	LÊ TRỌNG NGHĨA*	PVD8	59-60	2	13			85	PVDWS	Vietnamese
19	CAO TRUNG NAM	PVD8	52-53	2	16			84	PVDWS	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG BAO	PVD8	67	1	6			57	GETRACO	Vietnamese
21	TẶNG MINH HIỆU	PVD8	61	1	4			75	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	6	401	7	42	2	22	6		
2	PVD8	15	1.088	19	143	3	50	16		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.489</b>	<b>26</b>	<b>185</b>	<b>5</b>	<b>72</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.489</b>		<b>185</b>		<b>72</b>			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:20
B.CARD: TRẮNG-3	TO: BK15 - P8	CREW: ĐỨC - VANH - ĐANG - THỤ	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM26/0142	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TIEN HOANG SON *	BK15	13-14	2	7			83	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN QUANG HOANG	BK15	17	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG HUY	BK15	01	1	8	2	33	71	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU TIEN THANH *	BK15	07	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
5	LE THANH HIEU	BK15	04-05	2	21			72	CODIEN	Vietnamese
6	VO NGOC THAI SON *	BK15	06	1	16	2	33	75	CODIEN	Vietnamese
7	KIM NHAT THANH	BK15	10	1	11			69	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN NAM HOANG	BK15	08-09	2	21			53	CODIEN	Vietnamese
9	PHAN VAN HIEU	BK15	03	1	15			60	CODIEN	Vietnamese
10	LUU BA XO	BK15	02	1	3			82	DVL	Vietnamese
11	HOANG VAN PHUONG	BK15	73	1	5			67	PSV	Vietnamese
12	LE QUANG THANG	P8	47	1	5			57	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN QUANG HUY	P8	49	1	5	3	50	64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRI HUNG	P8	84	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
15	DUONG TRI NAM	P8						85	KH-THAC	Vietnamese
16	TRUONG VAN TUNG	P8	53	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG DINH THUAN	P8	54	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VINH DUNG	P8	52	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM XUAN CUONG	P8	48	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN KHIEM HIEU	P8	43	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN LANH	P8	50-51	2	12			56	NAM TIEN	Vietnamese
22	LE QUANG DUC	P8	85-86	2	17			88	NAM TIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK15	11	772	14	122	4	66	5		
2	P8	11	759	12	74	3	50	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.531</b>	<b>26</b>	<b>196</b>	<b>7</b>	<b>116</b>	<b>14</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.531</b>		<b>196</b>		<b>116</b>			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC

TRẦN VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: HONG-4	TO: TTC2 - TTC1 - TD2	CREW: KHOÀN - TTRUNG - THÀNH	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/0135	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ PHƯƠNG	TTC2	58	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HOANG GIANG	TTC2	59	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG THẾ VINH*	TTC2	56-57	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN NGỌC THƯỢNG	TTC2	09	1	11	1	16	82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ HOANG NAM	TTC2	08	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ PHẠM THANH HUY	TTC2	12	1	13			83	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HUY ĐÌNH	TTC2	10-11	2	19			64	T-TIN	Vietnamese
8	LÊ TIÊN QUY	TTC2	55	1	5			74	PSV	Vietnamese
9	ĐÀO XUÂN TU	TTC1	32-33	2	8			71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	TTC1	34	1	17	2	35	82	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	TTC1	31	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG THAI ANH	TTC1	30	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG ĐIỀN	TTC1	29	1	5			66	PSV	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN KHANH	TD2						65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH HUY*	TD2	08-09	2	18			86	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG THANH	TD2						75	PSV	Vietnamese
17	LÊ MINH HOÀN	TD2	11	1	9			76	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	TD2	12	1	5	2	20	76	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG HUY	TD2	13	1	6	1	18	91	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY CẢNH	TD2	10	1	4			56	PSV	Vietnamese
21	HA XUÂN THANH	TD2	14	1	4			113	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	8	579	10	82	1	16	5		
2	TTC1	5	368	6	42	2	35	5		
3	TD2	8	638	7	46	3	38	12		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.585</b>	<b>23</b>	<b>170</b>	<b>6</b>	<b>89</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.585</b>		<b>170</b>		<b>89</b>			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
NGUYỄN THÀNH TRUNG

